

ÔN TẬP GIỮA HK1 - MÔN ĐỊA 12

Câu 1: Cho bảng số liệu:

TỔNG SỐ DÂN, SỐ DÂN THÀNH THỊ CỦA THÁI LAN VÀ IN-ĐÔ-NÊ-XI-A, NĂM 2000 VÀ NĂM 2020

(Đơn vị: triệu người)

Năm	Thái Lan		In-đô-nê-xi-a	
	Tổng số dân	Số dân thành thị	Tổng số dân	Số dân thành thị
2000	62,9	19,8	211,5	88,6
2020	69,8	35,7	271,7	154,2

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về tỉ lệ dân thành thị của Thái Lan và In-đô-nê-xi-a?

- A. In-đô-nê-xi-a thấp hơn và tăng nhanh hơn. B. In-đô-nê-xi-a cao hơn và tăng chậm hơn.
C. Thái Lan thấp hơn và tăng chậm hơn. D. Thái Lan cao hơn và tăng chậm hơn.

Câu 2: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết trạm khí tượng nào sau đây có nhiệt độ trung bình các tháng luôn dưới 20°C?

- A. Lạng Sơn. B. Điện Biên Phủ. C. Sa Pa. D. Hà Nội.

Câu 3: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết lượng mưa vào tháng VII ít nhất ở nơi nào sau đây?

- A. Nha Trang. B. Sa Pa. C. Đà Lạt. D. Cần Thơ.

Câu 4: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết nơi nào sau đây có lượng mưa lớn nhất vào tháng VIII?

- A. Hà Nội. B. Thanh Hóa. C. Đà Nẵng. D. Nha Trang.

Câu 5: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết trạm khí tượng nào sau đây thuộc vùng khí hậu Tây Bắc Bộ?

- A. Thanh Hóa. B. Sa Pa. C. Điện Biên Phủ. D. Lạng Sơn.

Câu 6: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết vùng khí hậu nào sau đây chịu ảnh hưởng mạnh nhất của gió mùa Đông Bắc?

- A. Tây Bắc Bộ. B. Đông Bắc Bộ.
C. Bắc Trung Bộ. D. Trung và Nam Bắc Bộ.

Câu 7: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về chế độ nhiệt ở nước ta?

- A. Tăng dần từ Bắc vào Nam. B. Trung bình năm trên 20°C.
C. Giảm dần từ Bắc vào Nam. D. Phân hóa theo không gian.

Câu 8: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết trạm khí tượng nào sau đây thuộc vùng khí hậu Bắc Trung Bộ?

- A. Sa Pa. B. Lạng Sơn. C. Đồng Hới. D. Nha Trang.

Câu 9: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết nền nhiệt độ trung bình tháng I ở miền khí hậu phía Bắc phổ biến là bao nhiêu?

- A. Trên 18⁰c. B. Trên 20⁰ c. C. Dưới 18⁰ c. D. Trên 24⁰ c.

Câu 10: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết tháng nào sau đây ở trạm khí tượng Nha Trang có lượng mưa nhỏ nhất?

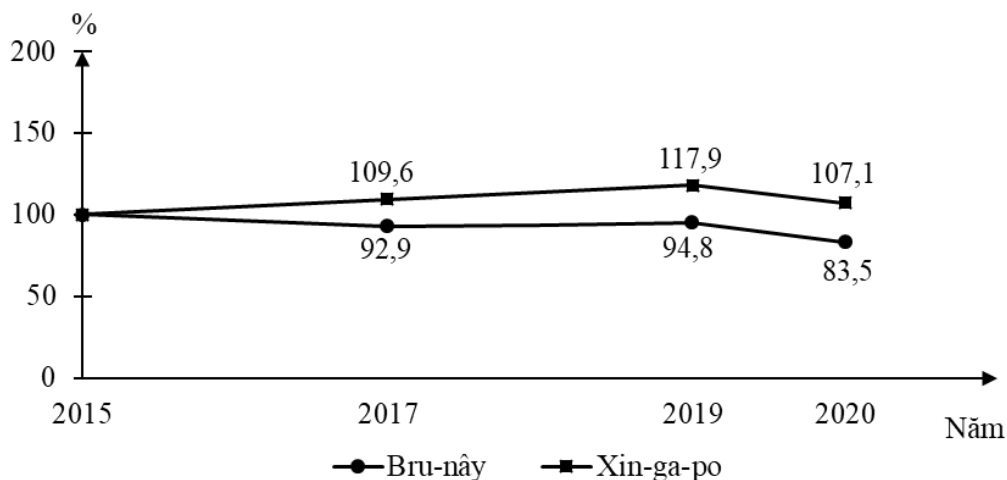
A. Tháng XII.

B. Tháng XI.

C. Tháng I.

D. Tháng II.

Câu 11: Cho biểu đồ:



TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI CỦA BRU-NÂY VÀ XIN-GA-PO,
GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê ASEAN 2021, <https://www.aseanstats.org>)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đầu người giai đoạn 2015 - 2020 của Bru-nây và Xin-ga-po?

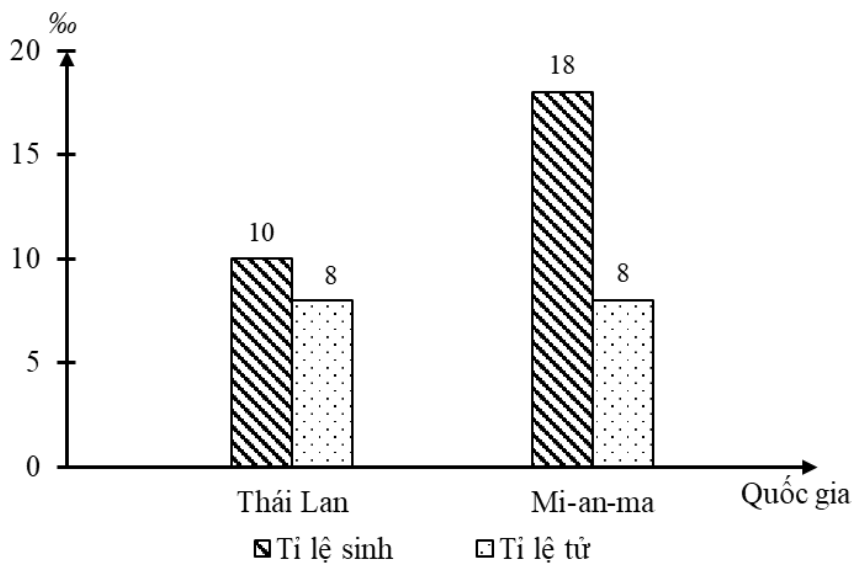
A. Xin-ga-po giảm liên tục.

B. Bru-nây tăng liên tục.

C. Bru-nây giảm, Xin-ga-po tăng.

D. Xin-ga-po giảm, Bru-nây tăng.

Câu 12: Cho biểu đồ:



TỈ LỆ SINH VÀ TỈ LỆ TỬ CỦA THÁI LAN VÀ MI-AN-MA NĂM 2020

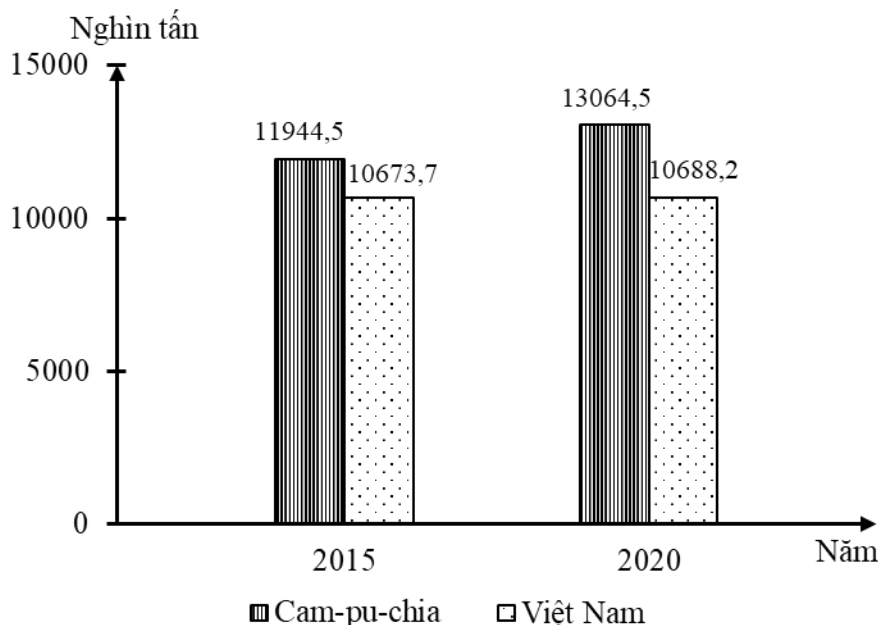
(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thông kê, 2021)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về tỉ lệ sinh, tỉ lệ tử, gia tăng tự nhiên của Thái Lan và Mi-an-ma?

A. Tỉ lệ sinh của Mi-an-ma thấp hơn Thái Lan.

- B. Tỷ lệ tử của Mi-an-ma thấp hơn Thái Lan.
- C. Tỷ suất gia tăng tự nhiên của Mi-an-ma thấp hơn Thái Lan.
- D. Tỷ suất gia tăng tự nhiên của Mi-an-ma cao hơn Thái Lan.

Câu 13: Cho biểu đồ:



SẢN LƯỢNG SẢN CỦA CAM-PU-CHIA VÀ VIỆT NAM NĂM 2015 VÀ 2020

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê ASEAN 2021, <https://www.aseanstats.org>)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng sản của Cam-pu-chia và Việt Nam?

- A. Cam-pu-chia tăng, Việt Nam giảm. B. Việt Nam tăng, cam-pu-chia giảm.
- C. Việt Nam tăng ít hơn Cam-pu-chia. D. Cam-pu-chia tăng chậm hơn Việt Nam.

Câu 14: Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết sông Hồng chảy theo hướng nào sau đây?

- A. Tây bắc - đông nam. B. Nam - Bắc. C. Tây - đông. D. Vòng cung.

Câu 15: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết sông nào sau đây chảy theo hướng tây bắc - đông nam?

- A. sông Đồng Nai. B. sông Cả. C. sông Lục Nam. D. sông Thu Bồn.

Câu 16: Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết tỉ lệ diện tích lưu vực của hệ thống sông nào sau đây nhỏ nhất?

- A. Sông Đồng Nai. B. Sông Thu Bồn. C. Sông Mê Công. D. Sông Hồng.

Câu 17: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết lưu lượng nước trung bình lớn nhất của sông Hồng (trạm Hà Nội) vào thời gian nào sau đây?

- A. Tháng 7. B. Tháng 6. C. Tháng 8. D. Tháng 9.

Câu 18: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Mã?

- A. sông Giang. B. sông Hiếu. C. sông Chu. D. sông Ngân Phố.

Câu 19: Vùng nào sau đây chịu ảnh hưởng nhiều nhất của lũ quét?

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ. B. Đồng bằng sông Cửu Long.
C. Đông Nam Bộ. D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 20: Thiên tai nào ở nước ta mà việc phòng chống phải luôn kết hợp chống lụt, úng ở đồng bằng và chống lũ, chống xói mòn ở miền núi?

- A. Hạn hán. B. Bão. C. Sương muối. D. Lốc.

Câu 21: Chống hạn hán ở nước ta phải luôn kết hợp với chống

- A. trượt đất. B. cháy rừng. C. xói mòn. D. lở đất.

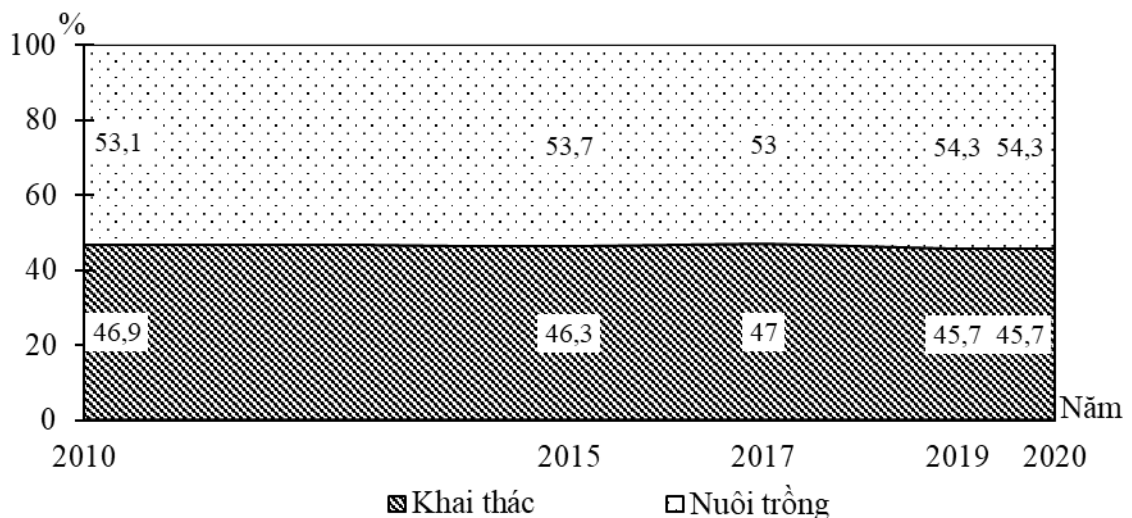
Câu 22: Động đất thường xảy ra nhiều nhất ở vùng ven biển

- A. Nam Bộ. B. đồng bằng sông Hồng.
C. Bắc Trung Bộ. D. Nam Trung Bộ.

Câu 23: Đặc điểm của bão ở nước ta là

- A. tất cả đều xuất phát từ Biển Đông. B. mùa bão chậm dần từ bắc vào nam.
C. diễn ra trong suốt năm và cả nước. D. chỉ diễn ra ở phía bắc vĩ tuyến 16°B.

Câu 24: Cho biểu đồ về sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng của nước ta, giai đoạn 2010 - 2020:

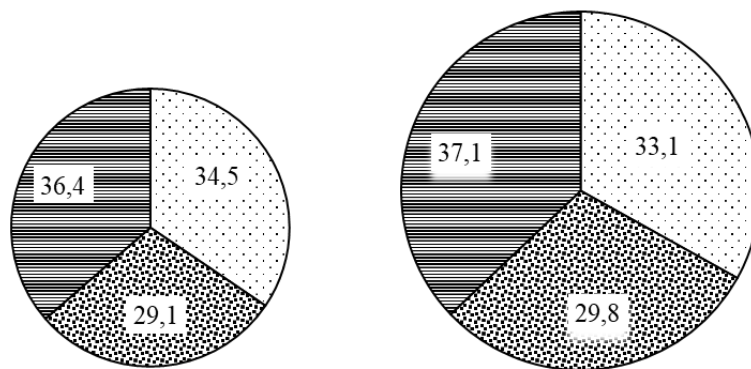


(Số liệu theo niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Quy mô và cơ cấu sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng.
B. Tốc độ tăng trưởng sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng.
C. Quy mô sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng.
D. Sự thay đổi cơ cấu sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng.

Câu 25: Cho biểu đồ về sử dụng lao động phân theo khu vực kinh tế nước ta, năm 2019 và 2020 (Đơn vị: %):



Năm 2019

Năm 2020

- Nông - lâm - thủy sản
- ▨ Công nghiệp - xây dựng
- Dịch vụ

(Số liệu theo niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Tốc độ tăng trưởng sử dụng lao động theo khu vực kinh tế.
- B. Sự thay đổi cơ cấu sử dụng lao động theo khu vực kinh tế.
- C. Tình hình sử dụng lao động theo khu vực kinh tế.
- D. Quy mô và cơ cấu sử dụng lao động theo khu vực kinh tế.

Câu 26: Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG MỘT SỐ NÔNG SẢN CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

Năm	2015	2017	2019	2020
Cà phê nhân (nghìn tấn)	1453,0	1577,2	1686,8	1763,5
Lợn (nghìn con)	27750,7	27406,7	19615,53	22027,86
Thủy sản (nghìn tấn)	6582,1	7313,4	8270,2	8497,2

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng sản lượng một số nông sản nước ta giai đoạn 2015 - 2020, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Đường.
- B. Kết hợp.
- C. Miền.
- D. Cột.

Câu 27: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG HỒ TIÊU CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

Năm	2015	2017	2019	2020
Diện tích (nghìn ha)	101,6	152,0	140,2	131,8
Sản lượng (nghìn tấn)	176,8	252,6	264,8	270,2

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, để thể hiện diện tích và sản lượng hồ tiêu của nước ta giai đoạn 2015 - 2020, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Miền.
- B. Kết hợp.
- C. Đường.
- D. Cột.

Câu 28: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết núi nào cao nhất trong các núi sau đây?

- A. Ngọc Linh. B. Vọng Phu. C. Bi Doup. D. Ngọc Krinh.

Câu 29: Các nước Đông Nam Á **không** có chung đường biên giới với nước ta trên biển là

- A. Phi-lip-pin, Mi-an-ma. B. Phi-lip-pin, Bru-nây.
C. Đông-ti-mo, Mi-an-ma. D. Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin.

Câu 30: Việt Nam gần liền với lục địa và đại dương nào sau đây?

- A. Á-Âu và Bắc Băng Dương. B. Á-Âu và Đại Tây Dương.
C. Á-Âu và Ấn Độ Dương. D. Á-Âu và Thái Bình Dương.

Câu 31: Theo Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982, nhà nước ta có chủ quyền gì ở vùng đặc quyền kinh tế?

- A. Hoàn toàn về kinh tế. B. Một phần về kinh tế.
C. Không có chủ quyền gì. D. Hoàn toàn về chính trị.

Câu 32: Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta được quy định bởi

- A. vị trí trong vùng nội chí tuyến. B. địa hình nước ta thấp dần ra biển.
C. hoạt động của gió phơn Tây Nam. D. địa hình nước ta nhiều đồi núi.

Câu 33: Nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc nên có

- A. sông ngòi dày đặc. B. địa hình đa dạng. C. nhiều khoáng sản. D. tổng bức xạ lớn.

Câu 34: Nước ta có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú là do vị trí địa lí

- A. giáp vùng biển rộng lớn, giàu tài nguyên. B. nằm liền kề các vành đai sinh khoáng lớn.
C. nằm trên đường di lưu và di cư sinh vật. D. có hoạt động của gió mùa và Tín phong.

Câu 35: Khí hậu nước ta **không** khô hạn như các nước cùng vĩ độ vì

- A. nước ta nằm liền kề với 2 vành đai sinh khoáng lớn.
B. ảnh hưởng của biển Đông và các khối khí di chuyển qua biển.
C. nước ta nằm hoàn toàn trong vành đai nhiệt đới Bắc bán cầu.
D. thiên nhiên chịu ảnh hưởng rõ rệt của gió Tín phong.

Câu 36: Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với thiên nhiên vùng biển và thềm lục địa nước ta?

- A. Vùng biển có diện tích lớn gấp ba lần vùng đất liền.
B. Thềm lục địa nông, mở rộng ở phía Bắc và phía Nam.
C. Độ nông - sâu của thềm lục địa đồng nhất từ Bắc vào Nam.
D. Thềm lục địa miền Trung hẹp, tiếp giáp với vùng biển sâu.

Câu 37: Thế mạnh của vị trí địa lí nước ta trong khu vực Đông Nam Á sẽ được phát huy cao độ nếu kết hợp các loại hình giao thông vận tải nào?

- A. Đường sắt và đường biển. B. Đường biển và đường hàng không.
C. Đường bộ và đường hàng không. D. Đường sắt và đường bộ.

Câu 38: Địa hình nước ta **không** có đặc điểm chung nào sau đây?

- A. Đồi núi chiếm phần lớn diện tích nhưng chủ yếu là núi cao.
- B. Cấu trúc địa hình khá đa dạng.
- C. Địa hình của vùng nhiệt đới ẩm gió mùa.
- D. Địa hình chịu tác động mạnh mẽ của con người.

Câu 39: Địa hình núi cao tập trung chủ yếu ở khu vực nào sau đây?

- A. Trường Sơn Bắc.
- B. Đông Bắc.
- C. Trường Sơn Nam.
- D. Tây Bắc.

Câu 40: Biển Đông nằm trong vùng nội chí tuyến nên có đặc tính là

- A. độ mặn không lớn.
- B. có nhiều dòng hải lưu.
- C. nóng ẩm quanh năm.
- D. biển tương đối lớn.

Câu 41: Biển Đông là vùng biển tương đối kín là nhờ

- A. nằm giữa hai lục địa A - Âu và Ô-xtrây-li-a
- B. bao quanh bởi hệ thống đảo và quần đảo.
- C. nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến.
- D. trong năm thủy triều biến động theo mùa.

Câu 42: Do tác động của gió mùa Đông Bắc nên nửa đầu mùa đông ở miền Bắc nước ta thường có kiểu thời tiết

- A. lạnh, ẩm.
- B. ẩm, ẩm.
- C. lạnh, khô.
- D. ẩm, khô.

Câu 43: Nhịp điệu dòng chảy của sông ngòi nước ta theo sát

- A. hướng các dòng sông.
- B. hướng các dãy núi.
- C. chế độ nhiệt.
- D. chế độ mưa.

Câu 44: Gió mùa đông bắc xuất phát từ

- A. biển Đông.
- B. Ấn Độ Dương.
- C. áp cao Xibia.
- D. vùng núi cao.

Câu 45: Gió mùa đông bắc thổi vào nước ta theo hướng

- A. tây bắc.
- B. đông bắc.
- C. đông nam.
- D. tây nam.

Câu 46: Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu cho vùng lãnh thổ phía Bắc là đới rừng

- A. nhiệt đới gió mùa.
- B. xa van và cây bụi.
- C. cận nhiệt đới.
- D. ôn đới gió mùa.

Câu 47: Ở vùng lãnh thổ phía Bắc, thành phần loài chiếm ưu thế là

- A. xích đạo.
- B. nhiệt đới.
- C. cận nhiệt.
- D. ôn đới.

Câu 48: Biểu hiện của cảnh quan thiên nhiên phần lãnh thổ phía Bắc là

- A. mùa đông lạnh, tất cả cây rụng lá.
- B. mùa đông lạnh, không mưa, nhiều loài cây rụng lá.
- C. mùa đông lạnh ẩm mưa nhiều, nhiều loài cây rụng lá.
- D. Mùa đông lạnh, mưa ít, nhiều loài cây rụng lá.

Câu 49: Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu cho vùng lãnh thổ phía Nam là

- A. rừng nhiệt đới ẩm gió mùa.
- B. rừng cận xích đạo gió mùa.
- C. rừng cận nhiệt đới khô.
- D. rừng xích đạo gió mùa.

Câu 50: Vùng nước nằm trong đường nước cơ sở được gọi là vùng

- A.** lãnh hải. **B.** nội thủy. **C.** đặc quyền kinh tế. **D.** tiếp giáp lãnh hải.

Câu 51: Vùng đất Việt Nam gồm toàn bộ phần đất liền và các

- A.** hải đảo. **B.** đảo ven bờ. **C.** đảo xa bờ. **D.** quần đảo.

Câu 52: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về vị trí địa lí của nước ta?

- A.** Ở trung tâm bán đảo Đông Dương. **B.** Trong vùng nhiệt đới bán cầu Bắc.
C. Tiếp giáp với Biển Đông. **D.** Trong vùng nhiều thiên tai.

Câu 53: Đường biên giới trên đất liền của nước ta phần lớn nằm ở

- A.** khu vực miền núi. **B.** khu vực đồng bằng. **C.** khu vực cao nguyên. **D.** khu vực trung du.

Câu 54: Nơi có thêm lục địa hẹp nhất nước ta thuộc vùng biển của khu vực

- A. Bắc Bộ.** **B. Bắc Trung Bộ.** **C. Nam Trung Bộ.** **D. Nam Bộ.**

Câu 55: Nhận định đúng về đặc điểm địa hình vùng thềm lục địa nước ta là

- A.** thu hẹp ở phía Bắc, mở rộng ở miền Trung và phía Nam.
B. mở rộng ở phía Bắc, thu hẹp ở miền Trung và phía Nam.
C. mở rộng ở phía Bắc và phía Nam, thu hẹp ở miền Trung.
D. thu hẹp ở phía Bắc và phía Nam, mở rộng ở miền Trung.

Câu 56: Căn cứ vào At lát Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Lào?

- A.** Phú Thọ. **B.** Hà Tĩnh. **C.** Bình Dương. **D.** Cao Bằng.

Câu 57: Vùng có điều kiện thuận lợi nhất để sản xuất muối ở nước ta là

- A.** Đồng bằng sông Cửu Long. **B.** Đồng bằng sông Hồng.
C. Duyên hải Nam Trung Bộ. **D.** Bắc Trung Bộ.

Câu 58: Vùng ven biển nước ta chiếm ưu thế nhất là hệ sinh thái

- A.** rừng ngập mặn. **B.** trên đất phèn.
- C.** rừng trên đất, đá pha cát ven biển. **D.** rừng trên đảo và rạn san hô.

Câu 59: Nước ta tiếp giáp với Biển Đông, nên có

- A.** nhiệt độ trung bình cao.
B. độ ẩm không khí cao.
C. địa hình nhiều đồi núi.
D. sự phân mùa khí hậu.

Câu 60: Nước ta có khoảng bao nhiêu con sông dài trên 10km ?

- A.** 2360. **B.** 2620. **C.** 3260. **D.** 3630.